

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 236/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Hiện.

Bà Lê Trường An.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hương là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị Lê Thị Đ trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn N tự nguyện thành hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống, không tự giải quyết được và tự sống riêng với nhau, do không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Thời gian chung sống, chị và anh N có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2020, hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không đặt ra việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không đặt ra yêu cầu.

Bị đơn anh Huỳnh Văn N trình bày: Anh và chị Lê Thị Đ tự nguyện thành hôn vào năm 2020 là đúng, có đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày.

Do có sự bất đồng quan điểm, chị Đ dẫn con về nhà cha, mẹ vợ ở cho đến nay khoảng 06 tháng; ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ.

Vợ chồng có 01 con chung như chị Đ trình bày, sau khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Đ nuôi và đặt ra điều kiện chị Đ phải cho anh gặp mặt con tại phiên toà. Anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không đặt ra yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Lê Thị Đ được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh N được xác lập vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Thời gian chị Đ và anh N chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng lẫn nhau và không tự giải quyết được, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án chị Đ xác định không thể tiếp tục sống chung và kiên quyết ly hôn với anh N, anh N thống nhất ly hôn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Đ được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh N có 01 con chung đang ở cùng chị Đ, sau khi ly hôn anh N thống nhất giao con cho Đ nuôi theo yêu cầu của chị Đ. Mặc khác, con chung của anh chị dưới 36 tháng tuổi, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho chị Đ nuôi. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên toà, anh N vẫn kiên quyết đặt ra điều kiện chị Đ phải cho anh gặp mặt con tại phiên toà. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau

khi ly hôn đã được pháp luật quy định và đã được Toà án nhận định, nên điều kiện anh N đặt ra là không cần thiết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh N xác định không có và không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị Đ đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2020 ngày 29/4/2020 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Đ nuôi con tên Huỳnh Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2020 hiện đang ở cùng chị, phần cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Đ.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị Đ có quyền yêu cầu cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006917 ngày 20/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Việt Xô